Bài 26

CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH CỤC BỘ" Ở MIỀN NAM VÀ CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI MIỀN BẮC LẦN THỨ NHẤT CỦA ĐẾ QUỐC MĨ (1965 – 1968)

Sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mĩ tiến hành chiến lược "*Chiến tranh cục bộ*" ở miền Nam và mở rộng chiến tranh không quân, hải quân phá hoại miền Bắc (lần thứ nhất). Giai đoạn này, cả nước có chiến tranh, nhân dân hai miền trực tiếp đánh Mĩ : miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ; miền Bắc chống chiến tranh phá hoại, tiếp tục sản xuất, xây dựng trong chiến tranh và làm nghĩa vụ hậu phương kháng chiến chống Mĩ, cứu nước của dân tộc.

I – CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH CỤC BỘ" CỦA ĐẾ QUỐC MĨ Ở MIỀN NAM (1965 – 1968)

1. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mĩ ở miền Nam

Sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mĩ đẩy mạnh chiến tranh xâm lược miền Nam, chuyển sang chiến lược "*Chiến tranh cục bộ*" và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc.

"Chiến tranh cục bộ" bắt đầu từ giữa năm 1965, là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng lực lượng quân đội Mĩ, quân đồng minh của Mĩ[1] và quân đội Sài Gòn, lúc cao nhất (vào năm 1969) gần 1,5 triệu quân, trong đó quân Mĩ chiếm hơn nửa triệu, quân đồng minh 7 vạn.

Với chiến lược "Chiến tranh cục bộ", Mĩ âm mưu nhanh chóng tạo ra ưu thế về binh lực và hoả lực để có thể áp đảo quân chủ lực của ta bằng chiến lược quân sự mới "tìm diệt", cố giành lại thế chủ động trên chiến trường, đẩy lực lượng vũ trang của ta trở về phòng ngự, buộc ta phải phân tán đánh nhỏ, hoặc rút về biên giới, làm cho chiến tranh tàn lụi dần.

Dựa vào ưu thế quân sự, với quân số đông, vũ khí hiện đại, hoả lực mạnh, quân Mĩ vừa mới vào miền Nam đã cho mở ngay cuộc hành quân "tìm diệt" vào căn cứ của Quân giải phóng ở Vạn Tường (Quảng Ngãi). Tiếp đó, Mĩ mở liền hai cuộc phản công chiến lược mùa khô[2] (đông – xuân) 1965 – 1966 và

(1) Đồng minh của Mĩ trong chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam gồm 5 nước : Hàn Quốc, Thái Lan, Philíppin, Ôxtrâylia, Niu Dilân.

(2) Khí hậu miền Nam có hai mùa trong năm : mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau (theo dương lịch).

1966 – 1967 bằng hàng loạt cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" vào vùng "Đất thánh Việt Cộng"[1].

2. Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ

Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" là chống lại cuộc chiến tranh xâm lược được tăng cường và mở rộng với lực lượng quân đội mạnh, gồm Mĩ, đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn, với vũ khí hiện đại.

Nhưng với ý chí không gì lay chuyển "*Quyết chiến quyết thắng giặc Mĩ xâm lược*", được sự phối hợp chiến đấu và chi viện của miền Bắc, quân dân ta ở miền Nam đã anh dũng chiến đấu, với các thắng lợi mở đầu ở Núi Thành (Quảng Nam), Vạn Tường (Quảng Ngãi).

Hình 79. Lược đồ trận Vạn Tường – Quảng Ngãi (8 – 1965)

(1) Từ mà Mĩ và chính quyền Sài Gòn gọi vùng đất do cách mạng nắm giữ.

Mờ sáng 18 – 8 – 1965, Mĩ huy động 9 000 quân, nhiều xe tăng, xe bọc thép, máy bay, tàu chiến, mở cuộc hành quân vào thôn Vạn Tường nhằm tiêu diệt một đơn vị chủ lực của ta.

Sau một ngày chiến đấu, một trung đoàn chủ lực của ta cùng với quân du kích và nhân dân địa phương đã đẩy lùi được cuộc hành quân của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 900 địch, bắn cháy hàng chục xe tăng, xe bọc thép và máy bay.

Vạn Tường được coi là "Ấp Bắc" đối với quân Mĩ và quân đồng minh, mở đầu cao trào *"Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt"* trên khắp miền Nam. Nhiều *"Vành đai diệt Mĩ"* xuất hiện như ở Hoà Vang, Chu Lai (Quảng Nam), Củ Chi (Sài Gòn) ... Một phong trào thi đua trở thành *"Dũng sĩ diệt Mĩ"* và *"Đơn vị anh hùng diệt Mĩ"* diễn ra sôi nổi khắp nơi.

Sau trận Vạn Tường, khả năng đánh thắng Mĩ trong "Chiến tranh cục bộ" của quân dân ta còn tiếp tục được chứng minh trong hai mùa khô.

Bước vào mùa khô thứ nhất (đông – xuân 1965 – 1966) với 720 000 quân, trong đó Mĩ và đồng minh có hơn 220 000, địch mở đợt phản công với 450 cuộc hành quân, trong đó có 5 cuộc hành quân "tìm diệt" lớn, nhằm vào hai hướng chiến lược chính ở Đông Nam Bộ và Liên khu V, với mục tiêu đánh bại chủ lực Quân giải phóng.

Quân dân ta trong thế trận chiến tranh nhân dân, với nhiều phương thức tác chiến, đã chặn đánh địch trên mọi hướng, chủ động tiến công địch khắp mọi nơi.

Trong 4 tháng mùa khô (từ tháng 1 – 1966), trên toàn miền Nam, quân dân ta loại khỏi vòng chiến đấu 104 000 địch, trong đó có 42 000 quân Mĩ, 3 500 quân đồng minh, bắn rơi 1 430 máy bay.

Bước vào mùa khô thứ hai (đông – xuân 1966 – 1967), với lực lượng được tăng lên hơn 98 vạn quân, trong đó Mĩ và đồng minh có hơn 44 vạn, chúng mở đợt phản công với 895 cuộc hành quân, có ba cuộc hành quân lớn "tìm diệt" và "bình định", lớn nhất là cuộc hành quân Gianxơn Xiti đánh vào căn cứ Dương Minh Châu (Bắc Tây Ninh), nhằm tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não của ta.

Cùng với những cuộc chủ động tiến công địch trên chiến trường Trị – Thiên, Đường số 9..., quân dân ta mở hàng loạt trận phản công đánh bại các cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" của địch.

Trong mùa khô thứ hai, trên toàn miền Nam, quân dân ta loại khỏi vòng chiến đấu 151 000 tên địch, trong đó có 68 000 quân Mĩ, 5 500 quân đồng minh, bắn rơi 1 231 máy bay.

Ở hầu khắp các vùng nông thôn, quần chúng được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang đã đứng lên đấu tranh chống ách kìm kẹp của địch, phá từng mảng "*ấp chiến lược*". Trong hầu khắp các thành thị, công nhân, các tầng lớp nhân dân lao động khác, học sinh, sinh viên, Phật tử, một số binh sĩ quân đội Sài Gòn... đấu tranh đòi Mĩ rút về nước, đòi tự do dân chủ. Vùng giải phóng được mở rộng, uy tín của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế.

Đến cuối năm 1967, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam có cơ quan thường trực ở hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa và ở một số nước thuộc "thế giới thứ ba". Cương lĩnh của Mặt trận được 41 nước, 12 tổ chức quốc tế, 5 tổ chức khu vực lên tiếng ủng hộ.

Hình 80. Nhân dân Mĩ biểu tình phản đối chiến tranh Việt Nam, đòi quân Mĩ rút về nước (10 – 1967)

Trong khi đó, đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn ngày càng bị cô lập trên trường quốc tế. Năm 1967, theo sáng kiến của nhà bác học người Anh Béctơrăng Rútxen, Toà án Quốc tế xét xử tội ác chiến tranh của Mĩ ở Việt Nam và Đông Dương được thành lập, tội ác chiến tranh của Mĩ bị vạch trần.

3. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968

Bước vào mùa xuân năm 1968, xuất phát từ nhận định so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta sau hai mùa khô, đồng thời lợi dụng mâu thuẫn ở Mĩ trong năm bầu cử tổng thống (1968), ta chủ trương mở một cuộc Tổng tiến công và nổi dậy

trên toàn miền Nam, trọng tâm là đô thị, nhằm tiêu diệt một bộ phận lực lượng quân Mĩ, quân đồng minh, đánh đòn mạnh vào chính quyền và quân đội Sài Gòn, giành chính quyền về tay nhân dân, buộc Mĩ phải đàm phán, rút quân về nước.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy được mở đầu bằng cuộc tập kích chiến lược của quân chủ lực vào hầu khắp các đô thị trong đêm 30 rạng sáng 31 – 1 – 1968 (Tết Mậu Thân). Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đã diễn ra qua ba đợt : từ 30 – 1 đến 25 – 2 ; tháng 5 và 6 ; tháng 8 và 9 – 1968.

> Quân dân ta ở miền Nam đồng loạt tiến công và nổi dậy ở 37 trong tổng số 44 tỉnh, 4 trong số 6 đô thị lớn, 64 trong số 242 quận lị, ở hầu khắp các "ấp chiến lược" và các vùng nông thôn.

Tại Sài Gòn, Quân giải phóng tiến công vào các vị trí đầu não của địch như Toà Đại sứ Mĩ, Dinh Độc Lập, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn, Bộ Tư lệnh Biệt khu Thủ đô, Tổng nha cảnh sát, Đài phát thanh, sân bay Tân Sơn Nhất...

> Trong đợt 1, quân dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 147 000 địch, trong đó có 43 000 lính Mĩ, phá huỷ một khối lượng lớn vật chất và phương tiện chiến tranh của chúng.

Từ trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968 có thêm nhiều lực lượng mới chống Mĩ, chống chính quyền Sài Gòn xuất hiện, mặt trận đoàn kết dân tộc chống Mĩ, cứu nước được mở rộng. Tổ chức *Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hoà bình* ở Sài Gòn, Huế và toàn miền Nam, đại diện cho các tầng lớp trí thức, tư sản dân tộc tiến bộ ở các thành thị, được thành lập.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân đã đánh đòn bất ngờ, làm cho địch choáng váng. Nhưng do lực lượng địch còn đông (hơn nửa triệu lính Mĩ và đồng minh, gần 1 triệu quân Sài Gòn), cơ sở ở thành thị mạnh, nên chúng đã nhanh chóng tổ chức lại lực lượng phản công quân ta ở cả thành thị và nông thôn. Vì vậy, trong đợt 2 và 3, lực lượng của ta gặp không ít khó khăn và tổn thất. Quân cách mạng vào chiếm giữ thành phố trong đợt 1 bị đẩy ra ngoài. Những người dân có cảm tình với cách mạng và ủng hộ Quân giải phóng trước đó bị bắt hoặc bị giết hại. Nhiều vùng nông thôn được giải phóng trước đây, nay lại bị địch chiếm.

> Có hạn chế đó là do ta "Chủ quan trong việc đánh giá tình hình, đề ra yêu cầu chưa thật sát với tình hình thực tế lúc đó, nhất là sau đợt tiến công Tết Mậu Thân, ta không kịp thời kiểm điểm rút kinh nghiệm hay để đánh giá lại tình hình và có chủ trương chuyển hướng kịp thời, ta chậm thấy cố gắng mãi của địch và những khó khăn lúc đó của ta"[1].

---

(1) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (năm 1973).

Mặc dù có những tổn thất và hạn chế, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân vẫn có ý nghĩa hết sức to lớn, đã làm lung lay ý chí xâm lược của Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố "phi Mĩ hoá" chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại của "Chiến tranh cục bộ"), chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận đàm phán ở Pari để bàn về chấm dứt chiến tranh. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đã mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.

? *– Đế quốc Mĩ thực hiện âm mưu và thủ đoạn gì trong việc tiến hành chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam (1965 – 1968) ?*

– Quân dân ta ở miền Nam đã giành được những thắng lợi gì trong chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ từ năm 1965 đến năm 1968 ? Nêu ý nghĩa của thắng lợi Vạn Tường (8 – 1965).

– Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 ở miền Nam đã diễn ra trong hoàn cảnh như thế nào ? Nêu diễn biến, kết quả và ý nghĩa.

II – MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ NHẤT CỦA MĨ, VỪA SẢN XUẤT VÀ LÀM NGHĨA VỤ HẬU PHƯƠNG (1965 – 1968)

1. Mĩ tiến hành chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc

Cuối năm 1964 – đầu năm 1965, đồng thời với đẩy mạnh chiến tranh xâm lược miền Nam, Mĩ mở rộng chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc.

Ngày 5 – 8 – 1964, sau khi dựng lên "*sự kiện Vịnh Bắc Bộ*", Mĩ cho máy bay ném bom bắn phá một số nơi ở miền Bắc như cửa sông Gianh (Quảng Bình), Vinh – Bến Thuỷ (Nghệ An), Lạch Trường (Thanh Hoá), thị xã Hòn Gai (Quảng Ninh).

Ngày 7 – 2 – 1965, lấy cớ "trả đũa" việc Quân giải phóng miền Nam tiến công doanh trại quân Mĩ ở Plâyku, Mĩ cho máy bay ném bom bắn phá thị xã Đồng Hới (Quảng Bình), đảo Cồn Cỏ (Vĩnh Linh) v.v..., chính thức gây ra cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc (lần thứ nhất).

Tiến hành chiến tranh phá hoại, Mĩ âm mưu phá tiềm lực kinh tế, quốc phòng, phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc ; ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam ; uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chống Mĩ của nhân dân ta ở hai miền đất nước.

Mĩ đã huy động một lực lượng không quân và hải quân rất lớn, gồm hàng nghìn máy bay tối tân thuộc 50 loại khác nhau, cả những loại mới nhất, như F111, B52... và các loại vũ khí hiện đại.

Không quân và hải quân Mĩ tập trung đánh vào các mục tiêu quân sự, các đầu mối giao thông, các nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ, các công trình thuỷ lợi, khu đông dân. Chúng đánh cả trường học, nhà trẻ, bệnh viện, khu an dưỡng, đền, chùa, nhà thờ.

Máy bay, tàu chiến Mĩ ném bom, bắn phá liên tục, khắp mọi nơi, mọi lúc, trong mọi thời tiết, với cường độ ngày càng tăng. Trung bình mỗi ngày có 300 lần chiếc máy bay Mĩ đi gây tội ác với 1 600 tấn bom đạn trút xuống các làng mạc, phố xá. Bom đạn của chúng đã cướp đi biết bao sinh mạng và gây thương tích cho bao nhiêu người khác. Bom đạn của chúng đã tàn phá biết bao của cải, cơ sở kinh tế, công trình văn hoá, giáo dục, y tế mà nhân dân ta đã tạo nên trong hơn 10 năm trước đó.

2. Miền Bắc vừa sản xuất vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại

Ngay từ ngày đầu Mĩ mở rộng chiến tranh, miền Bắc đã kịp thời chuyển mọi hoạt động sang thời chiến, thực hiện quân sự hoá toàn dân, đào đắp công sự chiến đấu, hầm hào phòng tránh ; triệt để sơ tán, phân tán những nơi đông dân để tránh thiệt hại về người và của.

Chống lại những hành động phá hoại của địch là nhiệm vụ của các lực lượng phòng không, không quân, hải quân với vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại, của cả lực lượng tự vệ, dân quân và toàn dân với vũ khí thông thường. Hễ địch đến là đánh, ai không trực tiếp chiến đấu thì phục vụ chiến đấu. Khi bình thường thì toàn dân sản xuất.

Trong sản xuất xây dựng kinh tế, ta chủ trương đẩy mạnh kinh tế địa phương, chú trọng phát triển nông nghiệp. Xây dựng kinh tế thời chiến theo hướng đó sẽ hạn chế được sự tàn phá của chiến tranh và tăng khả năng đảm bảo yêu cầu của cuộc chiến đấu tại chỗ và đời sống nhân dân các địa phương.

Trong chiến đấu và sản xuất, trên miền Bắc dấy lên phong trào thi đua chống Mĩ, cứu nước, thể hiện sáng ngời chân lí "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Qua phong trào thi đua, quân dân ta tỏ rõ sức mạnh của một dân tộc giàu truyền thống lao động cần cù, sáng tạo, chiến đấu thông minh, dũng cảm, đã lập được thành tích to lớn trong chiến đấu và sản xuất.

Trong hơn 4 năm (từ ngày 5 – 8 – 1964 đến ngày 1 – 11 – 1968), miền Bắc bắn rơi, phá huỷ 3 243 máy bay, trong đó có 6 B52, 3 F111 ; bắn cháy, bắn chìm 143 tàu chiến. Ngày 1 – 11 – 1968, Mĩ tuyên bố ngừng hẳn chiến tranh phá hoại miền Bắc.

Trên mặt trận sản xuất, miền Bắc cũng lập được những thành tích quan trọng.

Trong *nông nghiệp*, diện tích canh tác được mở rộng, năng suất lao động không ngừng tăng lên, ngày càng có nhiều hợp tác xã, nhiều địa phương đạt "3 mục tiêu" (5 tấn thóc, 2 đầu lợn, 1 lao động trên 1 héc-ta diện tích gieo trồng trong 1 năm). Năm 1965, miền Bắc có 7 huyện, 640 hợp tác xã đạt mục tiêu 5 tấn thóc trên 1 héc-ta gieo trồng trong 1 năm ; đến năm 1967, tăng lên 30 huyện và 2 485 hợp tác xã.

Trong *công nghiệp*, năng lực sản xuất ở một số ngành được giữ vững. Các cơ sở công nghiệp lớn đã kịp thời sơ tán, phân tán, sớm đi vào sản xuất, đáp ứng nhu cầu thiết yếu nhất của chiến đấu, sản xuất và đời sống. Công nghiệp địa phương và công nghiệp quốc phòng đều phát triển. Mỗi tỉnh trở thành một đơn vị kinh tế tương đối hoàn chỉnh.

Giao thông vận tải là một trong những trọng điểm bắn phá của địch, được quân và dân ta bảo đảm thường xuyên thông suốt.

Văn hoá, giáo dục, y tế, khoa học, văn học, nghệ thuật cũng phát triển mạnh, đã phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ chiến đấu, sản xuất và đời sống.

3. Miền Bắc thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn

Là hậu phương lớn của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước, miền Bắc luôn hướng về miền Nam. Vì miền Nam ruột thịt, miền Bắc phấn đấu "*Mỗi người làm việc bằng hai*". Vì tiền tuyến kêu gọi, hậu phương sẵn sàng đáp lại "*Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người*".

Hình 81. Những thửa ruộng vì miền Nam của nông dân xã Hoà Lạc, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình

Từ năm 1959, tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc – Nam mang tên Hồ Chí Minh trên bộ (dọc theo dãy núi Trường Sơn) và trên biển (dọc theo bờ biển) bắt đầu khai thông, dài hàng nghìn cây số, đã nối liền hậu phương với tiền tuyến.

Hình 82. Chi viện cho chiến trường miền Nam qua tuyến đường Trường Sơn

Qua hai tuyến đường vận chuyển chiến lược đó, trong 4 năm (1965 – 1968) miền Bắc đã đưa hơn 300 000 cán bộ, bộ đội vào Nam tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu, xây dựng kinh tế, văn hoá tại các vùng giải phóng ; hàng chục vạn tấn vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng, xăng dầu, lương thực, thực phẩm, thuốc men và nhiều vật dụng khác. Tính chung, sức người, sức của từ Bắc chuyển vào Nam trong 4 năm đã tăng gấp 10 lần so với giai đoạn trước.

Nguồn chi viện cùng với thắng lợi trong chiến đấu và sản xuất của quân dân miền Bắc đã góp phần quyết định vào thắng lợi của quân dân ta ở miền Nam trong chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mĩ.

– Đế quốc Mĩ đã thực hiện âm mưu và dùng thủ đoạn gì trong cuộc chiến tranh không quân và hải quân phá hoại miền Bắc từ năm 1965 đến năm 1968 ?

– Miền Bắc đã lập được những thành tích gì trong sản xuất và chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mĩ từ năm 1965 đến năm 1968 ?

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Phân tích những điểm giống và khác nhau giữa hai chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" (1961 – 1965) và "Chiến tranh cục bộ" (1965 – 1968) của Mĩ ở miền Nam Việt Nam.
2. Từ năm 1965 đến năm 1968, quân dân ta ở miền Bắc đã chiến đấu và sản xuất như thế nào và đã đáp ứng những yêu cầu gì của cách mạng cả nước ?